

CẢI CÁCH HỆ THỐNG NGHIÊN CỨU VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO QUỐC GIA CỦA THÁI LAN: ƯU TIÊN ĐẾN SỰ BỀN VỮNG

Santi Charoenpornpattana¹

Viện Chính sách Khoa học, Công nghệ và Đổi mới (STIPI),
Đại học Công nghệ Thonburi của King Mongkut (KMUTT)

Siriporn Pittayasophon

Văn phòng Hội đồng Chính sách Giáo dục Đại học, Nghiên cứu Khoa học
và Đổi mới Quốc gia (Thái Lan)

Tóm tắt:

Bài báo phân tích cải cách hệ thống nghiên cứu và đổi mới sáng tạo (R&I) quốc gia của Thái Lan trong những năm 2018-2019 và hướng tới các mục tiêu bền vững. Xem xét quản trị khu vực công, hệ thống ngân sách phản ánh cấu trúc quyền lực, lịch sử và nền tảng kinh tế-xã hội của một quốc gia.

Để tăng tốc phát triển công nghệ quốc gia từ chi tiêu cho R&D của Chính phủ, cần phải cải cách thể chế một cách nghiêm túc, đặc biệt là trong quy trình ngân sách. Cải cách gần đây trong hệ thống R&I của Thái Lan đã được thực hiện trong năm 2018-2019. Quỹ Khuyến khích Khoa học, Nghiên cứu và Đổi mới được thành lập như một công cụ quan trọng triển khai chính sách. Trong bài viết này, chúng tôi phân tích và đánh giá cuộc cải cách R&I gần đây của Thái Lan cũng như sự định hướng lại mới nổi của Thái Lan trong hệ thống ngân sách và tài trợ. Bài viết này cũng minh họa định hướng chính sách của Thái Lan theo hướng “Nền kinh tế sinh học, kinh tế tuần hoàn và kinh tế xanh” hay ngắn gọn là “BCG”- là ưu tiên quốc gia. Chính sách BCG là một ví dụ điển hình về những nỗ lực sau cải cách của Chính phủ trong việc sắp xếp lại hệ thống ngân sách và tài trợ, theo hướng ưu tiên quốc gia.

Từ khóa: Hệ thống Nghiên cứu và Đổi mới sáng tạo; Triển khai chính sách; Kinh tế sinh học; Kinh tế tuần hoàn; Kinh tế xanh; Thái Lan.

Mã số: 21050501

THAILAND’S NATIONAL RESEARCH AND INNOVATION SYSTEM REFORM: THE PRIORITY TOWARDS SUSTAINABILITY

Abstract:

This paper outline Thailand’s national research and innovation system reform during 2018-2019 and its priority setting framework toward sustainability goals. Considering public sector’s governance, budget system reflects the power structure, history and socioeconomic background of a state.

¹ Liên hệ tác giả: santi.cha@mail.kmutt.ac.th

To accelerate national technological development from government R&D spending, there has been a serious need for institutional reforms, especially in budget process. A recent reform in Thailand's research and innovation system was undertaken during 2018-2019. The Science, Research & Innovation Promotion Fund was established as an important policy deployment tool. In this article, we analyze and assess Thailand's recent R&I reform as well as its emerging reorientation in budget and funding system. This paper also illustrates Thailand's policy direction toward "Bio economy, Circular economy, and Green economy" or in short "BCG", as the national priority. The BCG policy is a good example of government efforts in realigning budget and funding system, after the reform, towards the national priority.

Keywords: *Research and Innovation System; Policy Deployment; Bio-economy; Circular economy; Green economy; Thailand.*

1. Giới thiệu

Nghiên cứu và đổi mới sáng tạo (R&I) là nguồn tăng trưởng quốc gia trong thế giới hiện đại, đã được coi là một khoản đầu tư lớn và dài hạn. Năm 2017, Thái Lan đầu tư xấp xỉ 1% GDP tương đương 4,28 tỷ USD vào R&I, trong đó, 80% từ khu vực tư nhân. Thái Lan đặt mục tiêu đầu tư 1,5% GDP cho R&I vào năm 2021 với hy vọng đóng góp ít nhất 70% từ khu vực tư nhân (*Văn phòng STI, 2019*). Với nỗ lực này, Chính phủ cần tăng chi tiêu cho R&I. Tuy nhiên, Thái Lan không chỉ quan tâm đến giá trị mà còn là hiệu quả của chi tiêu. Trong hệ thống ngân sách của chính phủ Thái Lan, ngân sách được phân bổ trực tiếp cho các cơ quan cấp cục thuộc các bộ, mà không có khâu "trung gian" của cơ quan quản lý cấp bộ. Việc phân bổ ngân sách được thực hiện bằng cách thỏa thuận trực tiếp giữa Cục Ngân sách và các viện nghiên cứu/trường đại học (như các cục/vụ của các bộ ngành). Mặc dù các chính sách và kế hoạch R&I quốc gia liên quan được đưa vào quy trình lập ngân sách hàng năm, nhưng các tiêu chí và quy định về ngân sách, chẳng hạn như mức trần ngân sách, vẫn chi phối và ảnh hưởng đến quyết định cuối cùng về phân bổ ngân sách với mức ưu tiên thường thấp hơn so với mức mà chính sách và kế hoạch R&I đã dự kiến.

Với những đặc điểm trên của hệ thống ngân sách Thái Lan, có thể nói rằng, chưa có cơ chế "triển khai chính sách" hiệu quả trong lĩnh vực R&I ở Thái Lan. Cơ chế triển khai có hiệu lực là cơ chế có thể định hướng một cách có hiệu quả hoạt động của các viện nghiên cứu và trường đại học phù hợp với các chính sách và kế hoạch R&I quốc gia, thông thường bằng cách sử dụng phân bổ ngân sách như một công cụ. Khi phân bổ ngân sách không được sử dụng như công cụ triển khai chính sách, thì tất cả các hoạt động R&I do các viện nghiên cứu và trường đại học thực hiện có xu hướng rời rạc và thiếu đồng bộ theo cùng một hướng. Do đó, chi tiêu của Chính phủ cho R&I trở nên không hiệu quả như mong đợi.

Vào năm 2019, các đề xuất cải tiến cơ chế “triển khai chính sách”, bằng cách chỉ định một cơ quan lập ngân sách trong hệ thống quản trị R&I, đã được hiện thực hóa bằng việc thành lập Quỹ Khuyến khích Khoa học, Nghiên cứu và Đổi mới (R&I Fund), được coi là một cuộc cải cách lớn trong quản trị R&I. Cùng với việc cải cách quy trình ngân sách, Chính phủ cũng định hướng ưu tiên chính sách quốc gia mới theo hướng bền vững, được gọi là “chính sách BCG”, định hướng hướng tới tăng trưởng “cân bằng” và “bền vững” của nền kinh tế quốc dân. Chính sách BCG là một ví dụ điển hình về những nỗ lực của Chính phủ trong việc điều chỉnh lại hệ thống ngân sách và tài trợ, sau cải cách, theo hướng ưu tiên quốc gia.

2. Tổng quan các nghiên cứu liên quan

Khái niệm “quản trị” không phải là mới. Quản trị có nghĩa là “quá trình ra quyết định và quá trình mà các quyết định được thực hiện (hoặc không được thực hiện)”. Ở cấp độ quốc gia, lăng kính quản trị nhìn rộng hơn các vấn đề kỹ thuật đơn thuần để làm nổi bật cách thức con người, thể chế và cơ quan có thẩm quyền tương tác để ảnh hưởng đến việc ra quyết định vì công việc quản trị được định hướng theo vấn đề, theo bối cảnh cụ thể và lấy con người làm trung tâm. Kết quả của sự tương tác này là các chính sách mới, vai trò mới và các thỏa thuận thể chế mới định hình hành vi và lợi ích của tất cả các bên liên quan.

Gần đây, khái niệm quản trị đã thu hút sự quan tâm lớn từ các nhà hoạch định chính sách và học giả về R&I, vì khái niệm này có thể được áp dụng cho các hệ thống R&I. Mỗi quan tâm của họ phụ thuộc vào việc tích hợp các chính sách R&I giữa các bộ ngành, tích hợp tốt hơn các chính sách R&I vào các chính sách kinh tế vĩ mô và thay đổi đầu tư công vào R&I.

Phương pháp tiếp cận Hệ thống đổi mới quốc gia (NIS) cung cấp một khuôn khổ hữu ích để phân tích khả năng của một quốc gia bắt kịp các quốc gia công nghiệp phát triển khác. Qua đó đưa ra gợi ý, các quốc gia sử dụng những thỏa thuận thể chế để thúc đẩy các hoạt động đổi mới sáng tạo và cách các công ty hoạt động trong bối cảnh thể chế quốc gia (Freeman 1987; Lundvall 1992; Nelson 1993). Quản trị R&I là một cơ chế rất quan trọng để liên kết các mục tiêu xã hội và phân bổ nguồn lực với các hoạt động khoa học và kỹ thuật. Quản trị R&I không chỉ được xem xét từ chính phủ, đòi hỏi sự tác động lẫn nhau mạnh mẽ giữa các bên liên quan, bao gồm chính phủ, trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp và tổ chức xã hội để cùng xác định các ưu tiên, chiến lược, hoạt động và kết quả trong R&I. Các cơ chế quản trị nhấn mạnh đến quá trình hoạch định và thực hiện chính sách.

Tuy nhiên, không giống như các nước công nghiệp phát triển, các nước đang phát triển thường gặp phải những rào cản lớn trong việc thiết kế và

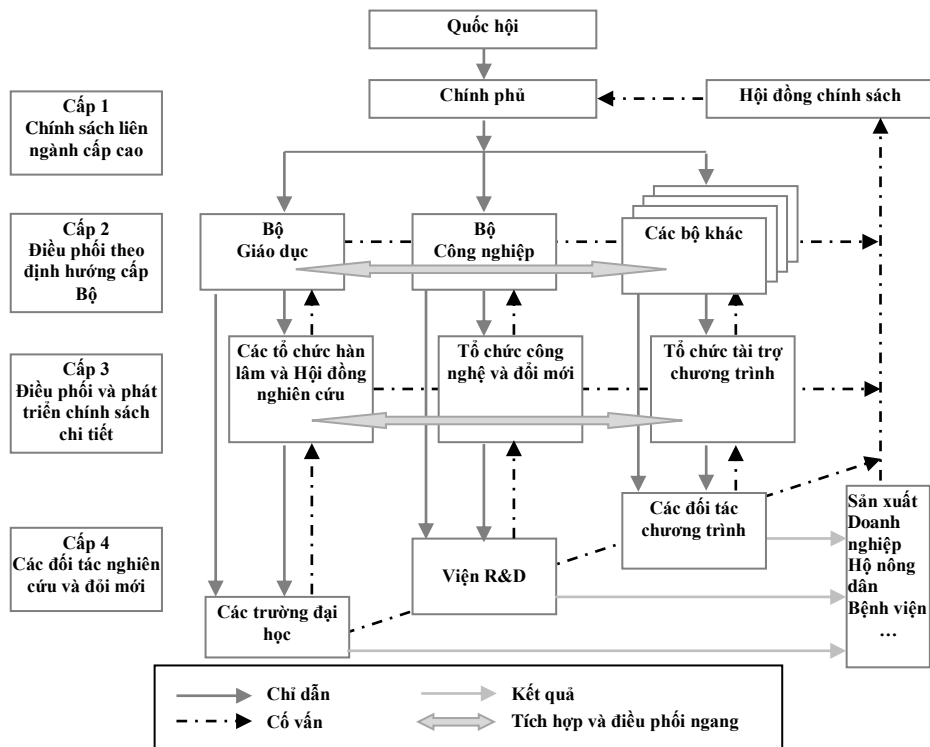
thực hiện các chính sách STI. Khái niệm NIS đã phần nào giải thích sự khác biệt đáng kể giữa các quốc gia về năng lực đổi mới, những nút thắt cản trở hoạt động của hệ thống đổi mới sáng tạo ở các nước đang phát triển là rất đáng kể. Chaminade và Perez (2017) nhận định rằng, bên cạnh hạn chế trong hỗ trợ tài chính công cho các hoạt động STI ở các nước đang phát triển, cũng còn thiếu việc lập kế hoạch dài hạn và liên tục thực hiện các chính sách STI. Các cơ quan nhà nước chịu trách nhiệm về các chính sách STI không đủ ảnh hưởng để thúc đẩy các chương trình nghị sự của chính họ ở tất cả các bộ. Không chỉ các chương trình nghị sự về khoa học và công nghệ (KH&CN) thường thuộc các bộ khác nhau, chẳng hạn như kinh tế, công nghiệp và thương mại, hoặc giáo dục, mà các chính sách STI không phải lúc nào cũng tồn tại khi có sự xuất hiện của các chính phủ mới. Sự phối hợp theo chiều dọc và chiều ngang giữa các tổ chức công trong việc thiết kế và thực hiện các chính sách STI còn yếu. Việc thực hiện các chính sách này thường xuyên phải chịu ảnh hưởng bởi những thay đổi về thể chế. Vì kết quả hữu hình của các hoạt động STI thường đòi hỏi nhiều thời gian hơn để đánh giá so với thời gian của một nhiệm kỳ chính trị, nên khó có khả năng chính phủ có thể nhìn thấy kết quả cụ thể vào cuối nhiệm kỳ chính trị của họ. Do đó, nhu cầu giám sát và đánh giá tác động của các chính sách STI cũng chưa tồn tại.

Theo Arnold và cộng sự (2003), để lấp đầy những khoảng trống đó, chính phủ nên cố gắng thiết kế các cơ chế quản trị đáp ứng các chức năng còn thiếu trong hệ thống đổi mới sáng tạo bao gồm các khía cạnh sau: *Thứ nhất*, thiết lập chương trình nghị sự bằng cách xác định phạm vi hoạt động mà theo đó nhà nước cùng với các tác nhân được tài trợ trong đổi mới sáng tạo và nghiên cứu cần tham dự. *Thứ hai*, ưu tiên bằng cách xác định hành động nào là cần thiết nhất trong bối cảnh nguồn lực của chính phủ còn khan hiếm. *Thứ ba*, xây dựng năng lực thông qua học hỏi và điều chỉnh các chính sách để đảm bảo thực hiện hiệu quả các hành động đã triển khai. *Thứ tư*, điều phối việc tạo ra tri thức bằng cách cân bằng giữa việc tạo ra và sử dụng tri thức. *Cuối cùng*, chỉ đạo theo chiều dọc bằng cách hướng dẫn các tác nhân hướng tới các mục tiêu xã hội mong muốn, đặc biệt là sự tham gia của các doanh nghiệp tư nhân trong các hoạt động R&I.

Khi đó, điều phối thông qua lập ngân sách là một phản ứng tự nhiên để đưa ra chính sách mang tính điều phối trong quá trình lập ngân sách hàng năm ở tất cả các quốc gia (Arnold và cộng sự, 2003). Hệ thống ngân sách phản ánh cấu trúc quyền lực, lịch sử và nền tảng kinh tế-xã hội của một nhà nước. Do đó, quy trình ngân sách của mỗi quốc gia có những đặc điểm riêng biệt (OECD, 2005). Hiện nay, có hai cách tiếp cận điều phối thông qua lập ngân sách (Kim và Park, 2006). Một mặt, phương pháp lập ngân sách từ dưới lên theo truyền thống đã quản lý tài chính công bằng cách kiểm soát các khoản

trích lập và mục ngân sách của các bộ quản lý ngành. Mặt khác, hệ thống lập ngân sách từ trên xuống được xem như một sáng kiến cải cách quản lý tài chính, cho phép chính phủ quản lý thâm hụt tài chính hiệu quả hơn. Với mục tiêu quản lý tài chính được thực thi theo quy tắc và được hỗ trợ bởi cơ quan ngân sách có ảnh hưởng, chính phủ có thể điều tiết chi tiêu công và do đó kiểm soát cân bằng tài chính một cách hiệu quả. Tuy nhiên, cách tiếp cận, mức độ ủy quyền và phương pháp xác định mức trần chi tiêu tùy thuộc vào sự lựa chọn của từng quốc gia và có sự khác biệt giữa các quốc gia.

3. Sự tiến hóa của chính sách và quy trình ngân sách của hệ thống nghiên cứu và đổi mới sáng tạo tại Thái Lan



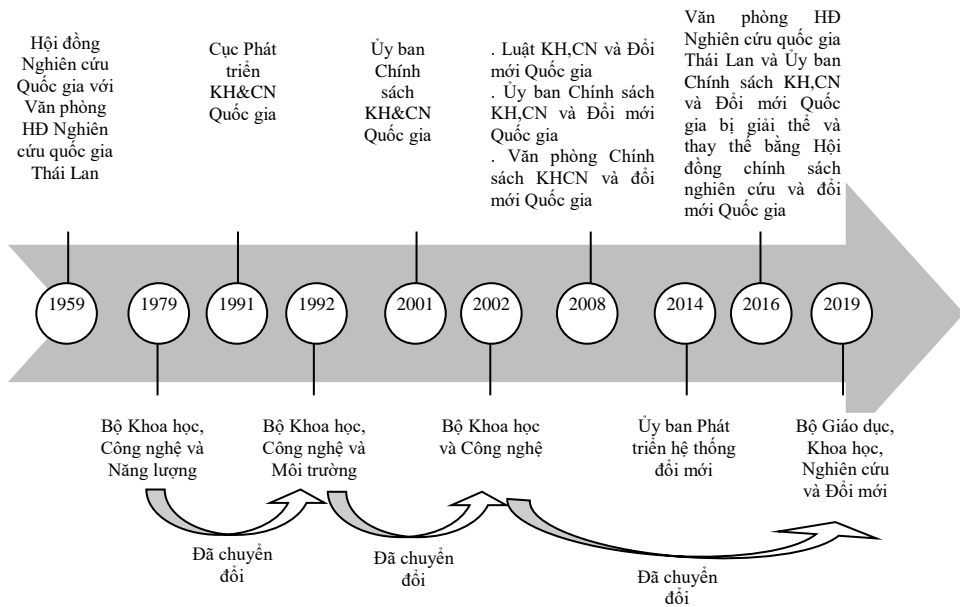
Nguồn: Arnold, E. et al (2003)

Hình 1. Cơ cấu tổ chức chung cho chính sách R&I

Quản trị R&I của Thái Lan bắt đầu phát triển từ năm 1959, với việc thành lập Hội đồng Nghiên cứu Quốc gia của Thái Lan (NRCT). Năm 1979, Bộ Khoa học, Công nghệ và Năng lượng lần đầu tiên được thành lập. Sau đó, Bộ đã trải qua một số thay đổi (xem chi tiết trong Hình 2). Từ năm 2000 đến năm 2016, một số ủy ban cấp quốc gia đã được thành lập và giải thể, chẳng hạn như Ủy ban Chính sách KH&CN Quốc gia năm 2001, Ủy ban Chính sách Khoa học, Công nghệ và Đổi mới Quốc gia (NSTIC) năm 2008,

và Hội đồng Nghiên cứu và Chính sách Đổi mới Quốc gia (NCRIP) vào năm 2016. Lần cải cách gần đây nhất là vào năm 2019, khi Bộ Giáo dục Đại học, Khoa học, Nghiên cứu và Đổi mới được thành lập bằng cách hợp nhất Bộ Khoa học và Công nghệ và ngành giáo dục đại học (trước đây thuộc Bộ Giáo dục).

Phần này bao gồm hai phần: Phần 1 thảo luận về sự tiến hóa của quản trị R&I trong quá trình hoạch định chính sách quốc gia. Phần 2 nêu bật mô hình quản trị để chuyển đổi R&I trong thời kỳ của Tướng Prayud Chan-O-Cha (2013-2019).



Nguồn: Tác giả tổng hợp

Hình 2. Quá trình tiến hóa quản trị R&I của Thái Lan (1959-2019)

3.1. Sự tiến hóa của quản trị nghiên cứu và đổi mới sáng tạo trong quá trình hoạch định chính sách quốc gia

Trong thời kỳ Thống chế Sarit Thanarat, Chính phủ đã ban hành Đạo luật Hội đồng Nghiên cứu Quốc gia vào năm 1959, sau đó Hội đồng Nghiên cứu Quốc gia (NRC) do Thủ tướng làm Chủ tịch, được thành lập như một hội đồng chính sách duy nhất, có văn phòng là Hội đồng Nghiên cứu Quốc gia Thái Lan (NRCT) với tư cách là văn phòng thư ký trực thuộc Văn phòng Thủ tướng. Mục tiêu chính của việc thành lập NRC là sử dụng cộng đồng các nhà khoa học như một cơ chế để hình thành các chính sách R&D và đề xuất những khuyến nghị với nội các của Chính phủ. NRC cùng với NRCT được coi là tổ chức chính sách R&D quan trọng đầu tiên ở Thái Lan.

Năm 1979, Bộ Khoa học, Công nghệ và Năng lượng được thành lập, dựa trên đề xuất của NRC, với các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, năng lượng và các vấn đề liên quan đến môi trường. Theo quan điểm phát triển KH&CN, Bộ bao gồm các cơ quan có vai trò tạo điều kiện và điều hành hoạt động phát triển KH&CN. Tại thời điểm này, NRCT được thành lập trước đó, đã được đưa vào bộ chủ quản mới. Bộ Khoa học, Công nghệ và Năng lượng lần lượt được đổi thành Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Bộ Khoa học và Công nghệ và cuối cùng là Bộ Giáo dục Đại học, Khoa học, Nghiên cứu và Đổi mới Sáng tạo vào các năm 1992, 2002 và 2019.

Năm 1991, Cục Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia (NSTDA) được thành lập với tư cách là tổ chức nghiên cứu và phát triển KH&CN của Chính phủ. Kể từ đó, NSTDA đã phát triển nhanh chóng và trở thành viện nghiên cứu của Chính phủ lớn nhất cả nước. Trong thời kỳ này, một số viện nghiên cứu của Chính phủ sau đó đã được thành lập.

Từ năm 2001 đến năm 2006 (thời kỳ Thủ tướng Thaksin Shinawatra), KH&CN đã được trao một vai trò quan trọng trong việc đảm bảo tăng trưởng năng suất và nền kinh tế đang từng bước chuyển đổi sang nền kinh tế dựa trên tri thức. Vì tầm quan trọng của nó đối với sự phát triển kinh tế và xã hội của quốc gia, các vấn đề chính sách liên quan đến nghiên cứu, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có xu hướng được báo cáo đến cấp Thủ tướng. Năm 2001, Chính phủ thành lập Ủy ban Chính sách KH&CN Quốc gia. NSTDA được chỉ định làm văn phòng thư ký.

Trong thời kỳ của Tướng Surayud Chulanont, khoa học, công nghệ và đổi mới (STI) đã trở thành trọng tâm cho sự phát triển của các lĩnh vực kinh tế và xã hội hiện có cũng như tạo ra các lĩnh vực mới có tiềm năng tăng trưởng cao. Chính phủ đã thực thi Luật về Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo Quốc gia vào năm 2008. Theo Đạo luật này, Hội đồng Chính sách KH&CN và Đổi mới Quốc gia (NSTIC) và Văn phòng Chính sách KH&CN và Đổi mới Quốc gia (gọi tắt là STI) - làm Ban thư ký cho Hội đồng được thành lập. Theo quan điểm hệ thống, NSTIC cùng với STI theo luật được coi là cơ quan chính sách quốc gia có chức năng cụ thể về chính sách STI. Tại thời điểm này, chúng ta có thể thấy sự chồng chéo chức năng giữa NRC và NSTIC. Sau đó, vào năm 2014, khi Tướng Prayud Chan-O-Cha làm Thủ tướng Thái Lan, Hội đồng Phát triển Hệ thống Đổi mới đã được thành lập để thúc đẩy việc sử dụng các kết quả nghiên cứu. Sau đó vào năm 2016, Hội đồng cùng với NRCT và NSTIC đã bị giải thể và được thay thế bởi Hội đồng Chính sách Nghiên cứu và Đổi mới sáng tạo Quốc gia (NCRIP), do Thủ tướng làm Chủ tịch, với NRCT và STI là các cơ quan đồng thư ký. Mục tiêu của cuộc cải cách này là thiết lập định hướng và chính sách R&I của các

cơ quan chính phủ liên quan một cách thống nhất. Vào thời kỳ này, NRCT được giao đảm nhận chính sách R&I trong khoa học xã hội nhân văn và nghệ thuật, trong khi STI được giao phụ trách chính sách R&I trong khoa học, công nghệ và đổi mới. Tuy nhiên, một số chông chéo các chức năng đã được nhận thấy trong thời gian gần đây. Trong giai đoạn 2016-2018, NCRIP đã cố gắng soạn thảo chính sách và chiến lược quốc gia về R&I, cải thiện hệ thống ngân sách, thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu, đề xuất các khuyến nghị về phát triển cơ sở hạ tầng, sửa đổi các luật và quy định liên quan đến việc sử dụng sở hữu trí tuệ. Những nỗ lực này nhằm nâng cao hiệu quả của hệ thống R&I thông qua việc hoạch định chính sách thống nhất của NCRIP. Tuy nhiên, kết quả của cuộc cải cách vẫn chưa thật rõ ràng.

3.2. Mô hình quản trị cho nghiên cứu và chuyển đổi đổi mới đến năm 2018

3.2.1. Cơ cấu quản trị nghiên cứu và đổi mới sáng tạo

Cho đến năm 2018, quản trị R&I ở Thái Lan được đơn giản hóa thành 3 cấp độ tùy theo chức năng, cụ thể như sau:

Cấp độ I - Hoạch định chính sách quốc gia và hoạch định chính sách cấp bộ: Cấp độ này phải giải quyết các vấn đề chính sách xuyên suốt liên quan đến R&I mà một bộ ngành không thể giải quyết được. Ở Thái Lan, các cơ quan hoạch định chính sách ở cấp này thường ở dạng ủy ban chính sách quốc gia. Cơ quan chính sách quốc gia chủ chốt là Ủy ban Phát triển kinh tế-xã hội Quốc gia (NESDB), một cơ quan chính sách cấp bộ nằm trong Văn phòng Thủ tướng Chính phủ. Ủy ban này đóng vai trò quan trọng trong việc liên kết chính sách R&I với chính sách phát triển trong các lĩnh vực khác. Trong lĩnh vực R&I, có hai ủy ban quốc gia liên quan đến chính sách R&I, đó là Hội đồng Chính sách Khoa học, Công nghệ và Đổi mới Quốc gia (NSTIC) và Hội đồng Nghiên cứu Quốc gia (NRC), sau đó đã giải thể và thành lập lại vào năm 2016 với tên gọi Hội đồng Quốc gia về Chính sách Nghiên cứu và Đổi mới sáng tạo (NCRIP), như đã đề cập trước đó.

Ngoài Bộ Khoa học và Công nghệ, có một số bộ liên quan đến R&I; ví dụ, Bộ Giáo dục (MOE) chịu trách nhiệm chính về phát triển nhân lực R&I và phát triển năng lực nghiên cứu trong các trường đại học, Bộ Nông nghiệp và Hợp tác xã (MOAC) chịu trách nhiệm về R&D và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp.

Cấp độ II - Cấp và quản lý tài trợ: Các cơ quan ở cấp này về cơ bản là cơ quan cấp và quản lý tài trợ. Hầu hết trong số đó chỉ thực hiện chức năng cấp vốn, một số thực hiện cả chức năng cấp và điều hành. Các cơ quan chính trong nhóm này bao gồm:

- Quỹ Nghiên cứu Thái Lan (TRF) cung cấp quỹ R&I trong tất cả các lĩnh vực cho cả trường đại học và cơ quan nghiên cứu (cũng như khu vực tư nhân) nhưng chủ yếu là cho các trường đại học;
- NRCT cung cấp các khoản tài trợ R&I trong các lĩnh vực ưu tiên theo kế hoạch chiến lược R&D quốc gia hiện hành cho cả các trường đại học và viện nghiên cứu;
- Viện Nghiên cứu Hệ thống Y tế (HSRI) cung cấp quỹ R&I trong các lĩnh vực liên quan đến chính sách và hệ thống chăm sóc sức khỏe;
- Cơ quan Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia (NSTDA) cung cấp hỗ trợ xây dựng năng lực R&I (ví dụ: tài trợ, R&D chung, R&D theo hợp đồng, đầu tư chung, vườn ươm, hỗ trợ kỹ thuật, hỗ trợ sở hữu trí tuệ, tiền đề R&D,...) cho các bên nhận bao gồm các trường đại học, viện R&D và khu vực tư nhân;
- Một số cơ chế tài trợ khác như Quỹ Khuyến khích Tiết kiệm Năng lượng, Quỹ Môi trường và các cơ chế khác cũng cấp kinh phí cho các hoạt động nghiên cứu.

Cấp độ III - Vận hành và sử dụng: Những tổ chức chính ở cấp độ này có thể là tổ chức R&I hoặc tổ chức tiêu chuẩn và thử nghiệm hoặc người tiêu dùng/người sử dụng R&I, và cũng có thể bao gồm các trường đại học, viện nghiên cứu, cơ quan tiêu chuẩn và thử nghiệm, các công ty thuộc khu vực tư nhân và các tổ chức chính phủ khác.

3.2.2. Chính sách và quy trình lập ngân sách

Trước năm 2016, Thủ tướng Chính phủ đã sử dụng nhiều cơ chế khác nhau để lấy ý kiến tư vấn về R&I và đưa ra các chính sách mới; ví dụ như Hội đồng Phát triển Hệ thống Đổi mới, Hội đồng Chỉ đạo Cải cách Quốc gia, Ủy ban Thường vụ. Khung ngân sách R&I tại thời điểm đó đề cập đến chương trình nghị sự quốc gia và Kế hoạch phát triển và kinh tế quốc gia. Khi Hội đồng Quốc gia về Chính sách Nghiên cứu và Đổi mới (NHESRI) được thành lập thay thế NCRIP, Hội đồng bắt đầu soạn thảo Chiến lược Quốc gia về Nghiên cứu và Đổi mới.

Quá trình soạn thảo Chiến lược Quốc gia về Nghiên cứu và Đổi mới trong 20 năm (2017-2036) đã tính đến cả cách tiếp cận từ trên xuống và từ dưới lên với đầu vào và sự tham gia của các bên liên quan chính. Văn phòng STI và NRCT với tư cách là ban thư ký chung đã tổ chức một số cuộc họp, các phiên thảo luận sôi nổi và điều trần công khai, để thu thập tất cả các thông tin cần thiết, các điểm cần cân nhắc và các vấn đề quan trọng từ tất cả các ngành liên quan bao gồm các tổ chức công và tư, các chuyên gia trong tất

cả các chủ đề quốc gia, các nhà hoạch định chính sách, những tác nhân chính trong từng lĩnh vực ưu tiên và các bên liên quan khác.

(Dự thảo) Chiến lược Quốc gia về Nghiên cứu và Đổi mới trong 20 năm (2017-2036) đề ra một tầm nhìn chung dài hạn cho R&I của quốc gia và một loạt chiến lược tập trung vào phát triển kinh tế, xã hội và môi trường, củng cố nguồn tri thức cốt lõi và cải thiện cơ sở hạ tầng liên quan đến R&I, vốn nhân lực, cũng như hệ thống R&I. Tuy nhiên, các ưu tiên chiến lược về phát triển kinh tế-xã hội và các lĩnh vực ưu tiên của STI đã được xác định. Việc xác định ưu tiên tại thời điểm này bị chỉ trích là “quá rộng mở”.

Ngoài ra, hội đồng đã khởi xướng một kế hoạch tài trợ đặc biệt gọi là “Chương trình mũi nhọn” như một cơ chế thúc đẩy để thông qua Chiến lược Nghiên cứu và Đổi mới Quốc gia trong 20 năm. Chương trình này nhằm thực hiện R&D theo định hướng thị trường, thúc đẩy phát triển và thương mại hóa các sản phẩm và dịch vụ sáng tạo, định hướng thị trường cũng như khuyến khích tạo ra tài sản trí tuệ.

Với tư cách là cơ quan lập ngân sách của quốc gia, Cục Ngân sách đã sử dụng Chiến lược Nghiên cứu và Đổi mới Quốc gia trong 20 năm (2017-2036) làm khuôn khổ lập ngân sách cho lĩnh vực R&I. Ủy ban Ngân sách R&I liên bộ được thành lập để thực hiện sàng lọc các chương trình/dự án và đề xuất mức trần ngân sách R&I sơ bộ. Quy trình lập ngân sách cho các hoạt động R&I có thể được tóm tắt như sau:

- Văn phòng STI và NRCT đề xuất khung ngân sách bao gồm các mục tiêu, chiến lược, lĩnh vực ưu tiên và các chỉ số cho Cục Ngân sách (BB) và các cơ quan chính phủ có liên quan;
- Văn phòng STI và NRCT được chỉ định làm thư ký chung cho Ủy ban Ngân sách R&I liên bộ. Họ kêu gọi các đề xuất chương trình/dự án từ các tổ chức R&I và sắp xếp quy trình sàng lọc kỹ thuật;
- Văn phòng STI và NRCT đề xuất kết quả sàng lọc kỹ thuật và mức trần ngân sách sơ bộ cho Cục Ngân sách (BB);
- Văn phòng STI và NRCT đã đệ trình đề xuất ngân sách R&I cho Cục Ngân sách;
- Tuy nhiên, Cục Ngân sách có thẩm quyền riêng của mình trong việc quyết định phân bổ ngân sách. Nó có thể tuân theo các khuyến nghị của Ủy ban hoặc không.

3.3. Thảo luận

Điều đáng bàn ở đây là quản trị R&I của Thái Lan đã từng bước tiến hóa kể từ thời kỳ sơ khai (năm 1959). Ban đầu, cơ quan chính sách được thành lập dưới hình thức Hội đồng Nghiên cứu Quốc gia. Sau đó, Bộ chịu trách

nhệm tạo điều kiện và điều tiết các hoạt động KH&CN, một số viện nghiên cứu của Chính phủ và một số tổ chức có liên quan khác đã được thành lập để tập trung phát triển khoa học, công nghệ, R&I của đất nước. Các viện nghiên cứu trọng điểm được thành lập nhằm tăng cường năng lực nghiên cứu của đất nước. Cho đến năm 2018, với nỗ lực lớn nhất từ trước đến nay là hợp nhất tất cả các ủy ban và hội đồng liên quan thành một cơ quan chính sách duy nhất, Hội đồng Quốc gia về Chính sách Nghiên cứu và Đổi mới (NCRIP) với Ủy ban Ngân sách R&I liên bộ để đảm bảo tất cả các chính sách R&I liên quan được thống nhất thành một chính sách duy nhất. Rõ ràng chính phủ Thái Lan đã có những nỗ lực và tiến bộ trong quản trị R&I.

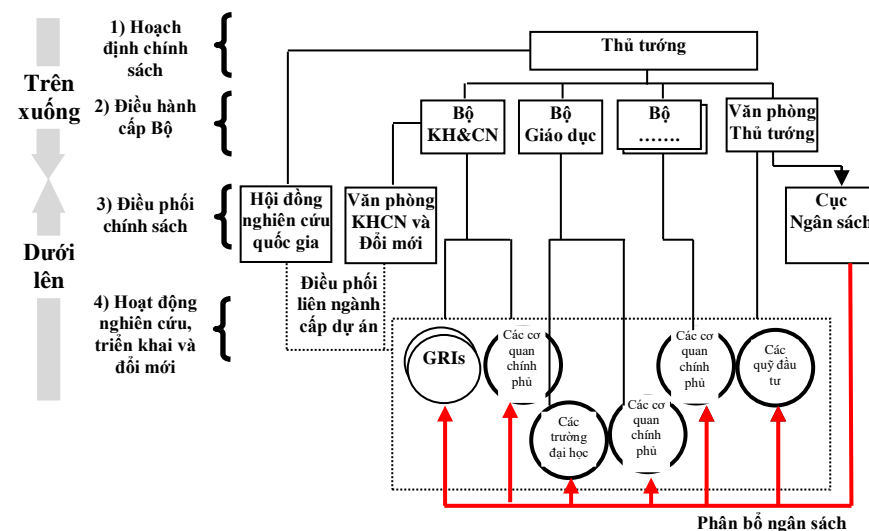
Tuy nhiên, những tiến bộ đó chỉ ở cấp độ “hoạch định chính sách” hoặc “thực hiện”. Liên kết bị thiếu vẫn bị bỏ lại mà không được cải thiện là ở cấp độ triển khai chính sách. Bộ Khoa học, Công nghệ và Năng lượng, được thành lập từ năm 1979 không thể thực hiện như cấp triển khai chính sách, vì việc phân bổ ngân sách là công cụ có ảnh hưởng nhất đến việc triển khai chính sách thuộc quyền kiểm soát của Cục Ngân sách thuộc Văn phòng Thủ tướng Chính phủ.

Phần này sẽ giải thích thêm về các phương pháp lập ngân sách của Chính phủ Thái Lan. *Thứ nhất*, ngân sách chính phủ do Cục Ngân sách cấp trực tiếp cho các cơ quan cấp vụ, hầu như không có sự can thiệp của cơ quan quản lý cấp bộ. Điều đó có nghĩa là cơ quan hành chính cấp bộ không được trao quyền kiểm soát đối với việc phân bổ ngân sách trong bộ, do vậy, không phải chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động của bộ. Hơn nữa, mỗi cơ quan có trách nhiệm giải trình riêng về ngân sách được phân bổ của mình. Trên thực tế, các chương trình nghị sự của các vụ có thể được ưu tiên cao hơn chương trình của bộ. *Thứ hai*, việc phân bổ ngân sách cho các dự án hoặc chương trình nghiên cứu liên cơ quan chưa được phối hợp nhịp nhàng. Rất thường xảy ra trường hợp một hoặc hai dự án trong một chương trình nghiên cứu không được cấp ngân sách, vì mức trần ngân sách của cơ quan đã ở mức giới hạn và không có sự phối hợp giữa các cơ quan cần thiết để đảm bảo ngân sách cho tất cả các dự án trong cùng một chương trình được phân bổ một cách phù hợp. *Thứ ba*, ngân sách chính phủ được phân bổ trên cơ sở tiền lương và phúc lợi, chi phí thành từng khoản của các hoạt động và dự án chi tiết, thay vì đầu ra và kết quả. Tính linh hoạt trong việc điều chỉnh chi phí, các hoạt động và dự án đã được lập ngân sách để đạt hiệu quả tốt hơn vẫn còn hạn chế ở một số cơ quan.

Những thực tiễn lập ngân sách này rất khác biệt khi so sánh với các thông lệ của các quốc gia khác. Ở những quốc gia khác, ngân sách chính phủ thông qua quy trình hành chính của bộ để đảm bảo rằng các cơ quan trong bộ sẽ điều chỉnh công việc của mình theo định hướng do bộ đề ra, do vậy, bộ đó

chịu trách nhiệm hoàn toàn về kết quả hoạt động của đơn vị mình. Mặc dù, trong trường hợp của Thái Lan, Bộ vẫn có quyền áp đặt các gói chính sách như một số biện pháp khuyến khích và/hoặc điều tiết để thúc đẩy hoạt động R&I của quốc gia, nhưng phân bổ ngân sách vẫn là công cụ triển khai chính sách mạnh mẽ nhất.

Từ cuộc thảo luận đã đề cập ở trên, một trong những yếu điểm cơ bản trong quản trị R&I của Thái Lan là ở cấp độ “triển khai chính sách”. Những yếu điểm đó tạo ra sự liên kết theo chiều dọc cũng như sự phối hợp theo chiều ngang không hiệu quả và hiệu suất kém. Cải cách hệ thống là cần thiết. Hình 3 cho thấy cấu trúc R&I của Thái Lan trước cuộc cải cách năm 2019.



Nguồn: Tác giả tổng hợp

Hình 3. Cơ cấu R&I trước cải cách năm 2019

4. Đề xuất cải cách quản trị

Từ những phân tích nêu trên cho thấy, Thái Lan cần cải cách quản trị hệ thống R&I của mình, đặc biệt là ở cấp độ “triển khai chính sách”. Để thu hẹp khoảng cách về mức độ triển khai chính sách, bốn nguyên tắc của cải cách và ba chủ đề cải cách được đề xuất ở đây. Cần lưu ý đề xuất dựa trên giả định rằng hệ thống lập ngân sách “từ trên xuống” được sử dụng trong bối cảnh của Thái Lan. Giả định này một lần nữa dựa trên thực tế là các phương pháp lập ngân sách của Chính phủ cũng sử dụng cách tiếp cận “từ trên xuống”. Hơn nữa, Thái Lan có ngân sách R&I của Chính phủ khá hạn chế, do đó, việc lập ngân sách từ trên xuống sẽ phù hợp hơn vì Chính phủ nên lựa chọn chi ngân sách R&I cho một số lĩnh vực ưu tiên.

4.1. Bốn nguyên tắc cải cách chính

Thứ nhất, phân công hoạt động của các tổ chức trong hệ thống phải được làm rõ. Điều này rất quan trọng đối với việc phân công trách nhiệm. Các khối của tổ chức cần được xác định rõ ràng, cụ thể là: (1) khối hoạch định chính sách, (2) khối triển khai chính sách, (3) khối quản lý và cấp vốn, và (4) khối thực hiện. Trong mỗi khối, cũng phải có sự phân công rõ ràng về vai trò và trách nhiệm.

Đối với khối hoạch định chính sách và khối triển khai chính sách (khối 1 và khối 2), cơ quan chịu trách nhiệm nên được thống nhất. Nói cách khác, nên có một hoặc một vài cơ quan, ở mỗi khối chịu trách nhiệm về các nhiệm vụ của họ. Đối với khối 3 và 4, nên có nhiều đối tượng tham gia để khuyến khích cạnh tranh về hiệu suất.

Thứ hai, việc phân bổ ngân sách của Chính phủ cho hệ thống R&I phải được cải cách. Ngân sách R&I phải là một công cụ hữu hiệu để triển khai chính sách. Quyết định phân bổ ngân sách phải được trao cho một tổ chức chịu trách nhiệm, một “tổ chức đệm”, trong hệ thống. Ngoài ra, ngân sách phải ở dạng “tài trợ đã cam kết” và “nhiều năm” để linh hoạt trong chi tiêu.

Thứ ba, thiết lập mức độ ưu tiên R&I phải được xác định một cách nghiêm túc và được sử dụng như một phần quan trọng của quá trình xây dựng và triển khai chính sách. Các lĩnh vực ưu tiên nên là lĩnh vực trọng tâm, không được “rộng mở”. Nếu việc thiết lập mức độ ưu tiên được thực hiện đúng cách, một lượng nhất định của ngân sách R&I quốc gia nên được phân bổ cho các lĩnh vực ưu tiên, phần còn lại có thể được phân bổ cho các lĩnh vực rộng hơn.

Thứ tư, hệ thống giám sát và đánh giá (M&E) phải được thiết kế và củng cố. M&E ở đây không chỉ có nghĩa là cấp độ dự án hoặc chương trình nghiên cứu mà còn ở cấp độ ngành, chính sách và hệ thống. Tiến độ R&I của từng lĩnh vực trong hệ thống R&I cần được theo dõi và báo cáo thường xuyên. Các chính sách đã ban hành phải được giám sát và đánh giá để điều chỉnh trong tương lai. Hiệu quả và hiệu suất hoạt động của hệ thống cũng phải được đánh giá.

4.2. Ba chủ đề cải cách

4.2.1. Chủ đề 1: Cải cách cấu trúc

- *Các khối của Hệ thống R&I*: Hệ thống R&I nên được phân loại rõ ràng thành 4 khối: (1) khối hoạch định chính sách, (2) khối triển khai chính sách, (3) khối tài trợ và quản lý, và (4) khối thực hiện.

- *Cơ quan hoạch định chính sách:* Ở khối hoạch định chính sách, một cơ quan quốc gia (ủy ban hoặc hội đồng) về chính sách R&I phải được chỉ định. Đây có thể là tổ chức giống NCRIP nhưng đã được thay thế bởi Hội đồng Quốc gia về Chính sách Nghiên cứu và Đổi mới (NHESRI). Cơ quan này hoạch định và thể chế hóa chính sách và chiến lược R&I quốc gia. Hội đồng này nên ở cấp quốc gia mang tính liên bộ, không phải cấp bộ. Hội đồng hoạch định chính sách nên báo cáo trực tiếp với nội các Chính phủ.
- *Cơ quan triển khai chính sách:* Tại khối triển khai chính sách, một cơ quan phù hợp phải được thành lập. Thái Lan chưa bao giờ có cơ quan triển khai chính sách này. Chức năng phân bổ ngân sách, là công cụ triển khai chính sách mạnh mẽ nhất, thuộc về Cục Ngân sách. Cơ quan triển khai chính sách mới được tạo lập phải hoạt động như một cơ quan kết nối cho các yêu cầu và phân bổ ngân sách giữa Cục Ngân sách và hệ thống R&I. Hiện nay chức năng này thuộc về Văn phòng Hội đồng Chính sách Giáo dục Đại học, Nghiên cứu Khoa học và Đổi mới Quốc gia (TSRI) trực thuộc Bộ Giáo dục Đại học, Nghiên cứu Khoa học và Đổi mới Quốc gia (MHESRI).
- *Cấp vốn và quản lý:* Ở khối cấp vốn và quản lý, cần có nền tảng quản lý và cấp vốn theo ngành, có thể được gọi là “Tiểu ban tập trung theo ngành - SFD”. Ví dụ: có thể có một nền tảng để cấp vốn và quản lý R&I cho ngành thực phẩm. SFD có thể bao gồm một tiểu ban thường trực cùng với các nhà khoa học, chuyên gia nổi tiếng, khu vực tư nhân cũng như các cơ quan tài trợ chịu trách nhiệm tài trợ cho các chương trình R&I của ngành. SFD chịu trách nhiệm lập kế hoạch/lộ trình R&I của ngành. Nó cũng có thể chịu trách nhiệm đánh giá năng lực của những đối tượng tham gia trong ngành. SFD cũng có thể đề xuất các chính sách/ biện pháp từ dưới lên cho cơ quan hoạch định chính sách.
- *Thực hiện:* Ở khối thực hiện, năng lực của cả viện nghiên cứu chính phủ và tư nhân, cũng như các trường đại học, phải được tăng cường.

4.2.2. Chủ đề 2: *Cải cách ngân sách*

- *Khung ngân sách R&I hàng năm:* Chu kỳ ngân sách R&I có thể bắt đầu với việc cơ quan hoạch định chính sách (khối 1) đề xuất khung ngân sách R&I cùng với số ngân sách hàng năm cho nội các để đảm bảo phê duyệt trước. Khung ngân sách này phải tính đến ít nhất ba yếu tố: sự cần thiết của quốc gia và nhu cầu R&I, năng lực của các tổ chức trong hệ thống R&I, tình hình tài chính của quốc gia. Do đó, nó có thể giống như một cuộc đối thoại với quá trình đàm phán giữa cơ quan hoạch định chính sách và nội các, do Cục Ngân sách đại diện. Cần lưu ý rằng, đây sẽ

là cuộc thảo luận cấp cao về khung ngân sách, không phải quá trình sàng lọc ngân sách chi tiết.

- *Cơ sở tài trợ đã cam kết*: Sau khi khung ngân sách được thống nhất, ngân sách thực tế sẽ được phân bổ cho cơ quan triển khai chính sách (khối 2) như một loại tài trợ cam kết. Ở đây cần làm rõ rằng, khoản “tài trợ đã cam kết” trong bối cảnh lập ngân sách của Thái Lan có nghĩa là ngân sách chính phủ đã phân bổ dưới dạng một khoản tổng hợp đề riêng cho cơ quan tiếp nhận và cơ quan này có quyền chi tiêu ngân sách được phân bổ khi thấy có hiệu quả và hiệu suất mà không cần phải tuân theo danh sách các khoản mục chi phí đã thỏa thuận trước. Điều này cho phép cơ quan tiếp nhận ngân sách linh hoạt hơn để thực hiện các thay đổi hoặc chuyển hướng chi tiêu theo hướng tốt hơn khi tình hình thay đổi. Ngoài ra, với khoản trợ cấp đã cam kết, phần ngân sách còn lại vào cuối năm tài chính có thể được giữ lại tại cơ quan mà không cần phải trả lại cho Chính phủ.

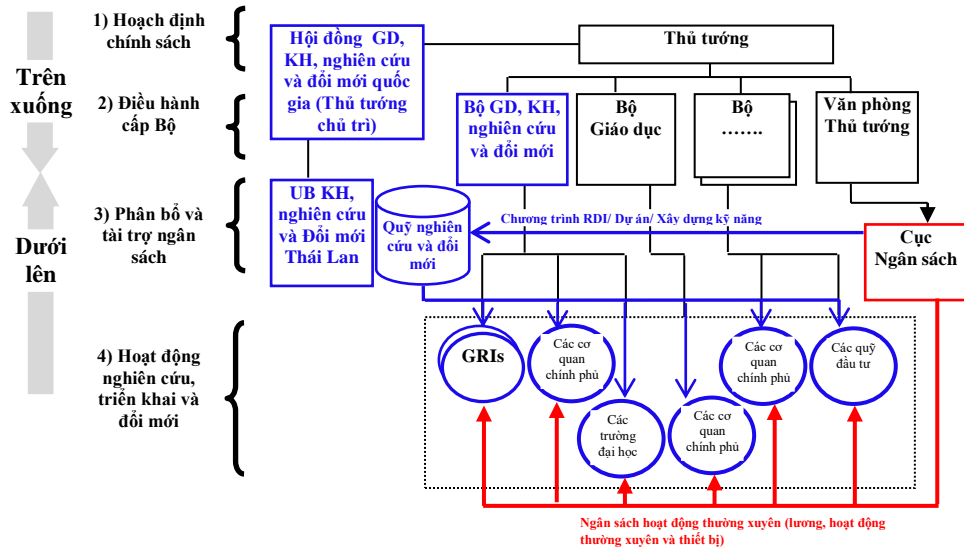
Theo khái niệm tài trợ cam kết, cơ quan triển khai chính sách có thể thực hiện một phần các quyết định về ngân sách. Ví dụ các quyết định như: (1) phân bổ ngân sách cho chương trình và dự án phù hợp nhất với chính sách và chiến lược quốc gia trong tình hình biến động, (2) chuyển ngân sách R&I từ ngân sách hàng năm thành ngân sách nhiều năm, phù hợp hơn cho các chương trình và dự án R&I.

- *Thiết lập mức độ ưu tiên R&I*: Các lĩnh vực và vấn đề ưu tiên cho R&I phải được xác định rõ ràng. Việc xác định mức độ ưu tiên phải “cụ thể” và “trọng tâm”, không được “chung chung” hoặc “quá rộng”. Đối với xác định ưu tiên, cách tiếp cận theo ngành được khuyến khích. Các lĩnh vực và vấn đề ưu tiên cần được xác định với sự kết hợp của định hướng quốc gia, tầm nhìn và xu hướng trong tương lai, chuỗi giá trị và năng lực hiện tại của các bên tham gia. Ngân sách dành cho R&I của đất nước sẽ không dễ dàng được mở rộng, do đó, chi tiêu hiệu quả và hiệu suất là chìa khóa. Việc dàn trải quá mỏng cho tất cả các lĩnh vực có thể không phải là lựa chọn tốt để phân bổ ngân sách R&I.

4.2.3. Chủ đề 3: Tăng cường hệ thống giám sát và đánh giá

Giám sát và đánh giá hệ thống R&I phải được thiết kế lại để bao gồm tất cả các lĩnh vực cần thiết. M&E nên được thiết lập rõ ràng cho ba cấp độ: (1) Giám sát và đánh giá chính sách và chiến lược; (2) Giám sát và đánh giá theo ngành; và (3) Giám sát và đánh giá chương trình/dự án. Mỗi cấp độ gồm các vấn đề đánh giá phải được xác định theo mục tiêu của từng khối.

Cải cách chính thức được thực hiện vào tháng 5 năm 2019 với 10 luật mới được ban hành. Hình 3 cho thấy cấu trúc đã được cải cách.



Nguồn: Tác giả tổng hợp

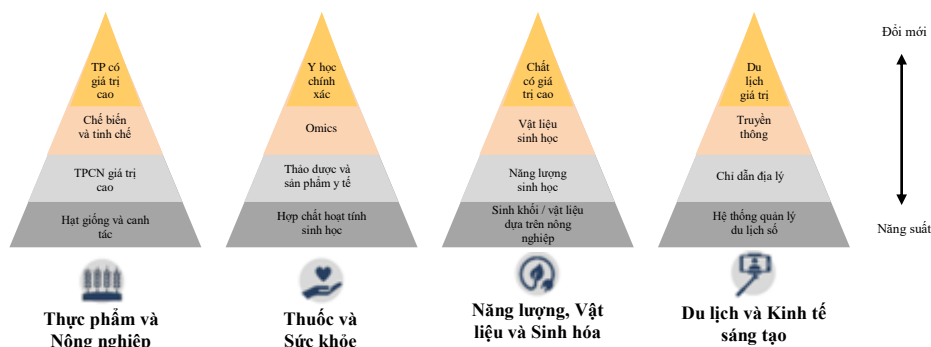
Hình 4. Cơ cấu nghiên cứu và đổi mới sau Cải cách năm 2019.

5. Chính sách BCG

Thái Lan được xem là quốc gia có các ngành công nghiệp dựa trên sinh học khá mạnh mẽ. Nền kinh tế sinh học, kinh tế tuần hoàn và kinh tế xanh được kỳ vọng là hướng đi đúng đắn cho Thái Lan, xét trong bối cảnh kinh tế và xã hội hiện nay.

Sau cải cách năm 2019, Chính phủ đã đặt ra một chính sách mới cho lĩnh vực giáo dục đại học, khoa học, R&I. Chính sách mới được thiết kế theo 4 hướng chuyên ngành đó là: (1) Phát triển nhân lực và xây dựng tổ chức tạo ra tri thức; (2) R&I đối với những thách thức lớn của xã hội; (3) R&I để nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; và (4) R&I để phát triển khu vực và mang tính bao trùm Bốn hướng chuyên ngành này được gọi là “4 nền tảng chính sách”. Dưới 4 nền tảng này, có rất nhiều chủ đề phụ và chương trình. Một trong những chủ đề phụ chính là “BCG” hay nền kinh tế xanh, tuần hoàn và sinh học.

Trong BCG, có 4 lĩnh vực chính, đó là: (1) Thực phẩm và nông nghiệp; (2) Y tế và sức khỏe; (3) Năng lượng, vật chất và sinh hóa; và (4) Du lịch và kinh tế sáng tạo. Như tên gọi của chúng, những lĩnh vực này có liên quan nhiều đến các hoạt động dựa trên sinh học, có khả năng áp dụng cho khái niệm kinh tế tuần hoàn và nhất là môi trường xanh. BCG được kỳ vọng không chỉ mang lại tăng trưởng cao cho đất nước mà còn tăng trưởng cân bằng hơn. Hình 5 cho thấy 4 lĩnh vực trong chính sách BCG.



Nguồn: Bộ Giáo dục Đại học, Khoa học, Nghiên cứu và Đổi mới.

Hình 5. Chính sách BCG với 4 lĩnh vực

Trong tất cả bốn lĩnh vực, các thành phần công nghệ quan trọng được xác định theo hai mục tiêu chiến lược: năng suất và đổi mới sáng tạo. Trong thực phẩm và nông nghiệp, các thành phần công nghệ này được sắp xếp thứ tự ưu tiên: (1) Hạt giống và canh tác chính xác; (2) Thực phẩm chức năng và giá trị cao; (3) Chế biến sinh học và tinh chế sinh học; (4) Các thành phần thực phẩm có giá trị cao. Các thành phần công nghệ được sắp xếp từ định hướng năng suất đến định hướng đổi mới. Các thành phần công nghệ trong các lĩnh vực khác được nêu trong Hình 5 ở trên.

Các chính sách mang tính chiến lược và định hướng chuyên ngành này rất rõ ràng và cụ thể. Chính sách đã xác định chính xác cấp độ của thành phần công nghệ. Do đó, chính sách chắc chắn không thể được thực hiện một cách hiệu quả và hiệu suất nếu không có một cơ chế triển khai chính sách mạnh mẽ, trong trường hợp này là một hệ thống ngân sách. Trước đây, các chính sách công thường được thực hiện theo cách tiếp cận dựa trên dự án, trong đó, Chính phủ sẽ tạo ra một số dự án chiến lược và phân bổ ngân sách cho các dự án đó để chính sách được thực hiện. Tuy nhiên, trong khoa học, R&I, cách tiếp cận dựa trên dự án có thể không hoạt động tốt, vì sự phát triển của từng thành phần công nghệ cần có thời gian. Hơn nữa, sự phát triển công nghệ rất phức tạp và phi tuyến tính. Do đó, cần có các cơ chế ngân sách mạnh mẽ để đảm bảo rằng chính sách được triển khai và phân bổ đủ ngân sách và nguồn lực một cách dài hạn.

Do đó, có thể nói rằng, bằng cải cách lĩnh vực R&I, đặc biệt là cải cách quy trình ngân sách, sẽ mở ra cơ hội để quốc gia điều hành chính sách được lựa chọn một cách hiệu quả hơn. Chính sách BCG được kỳ vọng sẽ mang lại tăng trưởng cân bằng thịnh vượng cho đất nước trong dài hạn.

6. Kết luận

May mắn thay, vào tháng 5/2019, hệ thống R&I của Thái Lan đã được cải tổ bằng Đạo luật thành lập Bộ mới có tên Bộ Giáo dục Đại học, Khoa học, Nghiên cứu và Đổi mới (MHESRI), là sự hợp nhất của Văn phòng Ủy ban Giáo dục Đại học Quốc gia, Hội đồng Nghiên cứu Thái Lan (NRCT), Quỹ Nghiên cứu Thái Lan (TRF) với Bộ Khoa học và Công nghệ nhằm tạo ra sự thống nhất trong chiến lược NC&TK (R&D) và đổi mới sáng tạo bao gồm liên kết khoa học, R&I ở cả cấp hoạch định và triển khai chính sách và cấp thực hiện. Về khía cạnh này, chính sách cụ thể, như BCG, có thể được thiết lập, thực hiện và kỳ vọng sẽ mang lại tăng trưởng cân bằng cho đất nước.

Tuy nhiên, không chỉ cải cách cơ cấu/quản trị mà cả sự thay đổi mô thức, tư duy và hệ thống vận hành bao gồm các quy tắc, quy định và luật liên quan là rất cần thiết để tạo nên thành công./.

Lời cảm ơn

Kết quả trình bày trong bài báo này là một phần của Báo cáo về “Đánh giá hệ thống nghiên cứu và đổi mới” do Ủy ban đánh giá và kiểm toán khu vực công (Chính phủ Hoàng gia Thái Lan) thực hiện năm 2018. Báo cáo đánh giá các điều kiện hiện có và đề xuất các khuyến nghị để cải thiện hiệu quả và hiệu suất của lĩnh vực R&I quốc gia.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Arnold, E. et al (2003). Research and Innovation Governance in Eight Countries: A Meta-Analysis of Work Funded by EZ (Netherlands) and RCN (Norway), Technopolis.
2. Chaminade, C.; Padilla-Perez, R. (2017). “The challenge of alignment and barriers for the design and implementation of science, technology and innovation policies for innovation systems in developing countries”. in Kuhlman, S. and Ordoñez-Matamoros, G (2017). “Research Handbook on Innovation Governance for Emerging Economies: Towards Better Models”. Edward Elgar Publishing. Cheltenham, U.K. Pp. 181-204.
3. Freeman, C. (1987). *Technology policy and economic performance: Lessons from Japan*. London: Pinter.
4. Kim, J. M. and Park, C. K. (2006). “Top-down Budgeting as a Tool for Central Resource Management”, *OECD Journal on Budgeting*, 2006, Volume 6, No. 1
5. Lundvall, B.-A. (ed.) (1992). *National systems of innovation. Towards a theory of innovation and interactive learning*. London: Pinter.
6. Nelson, R. ed. (1993). *National innovation systems. A comparative analysis*. New York: Oxford University Press.
7. OECD (2005). *Reallocation: The Role of Budget Institutions*. OECD, Paris.
8. STI (2019). “Budget Review on Thailand Research and Innovation 2018”. Science Technology and Innovation Policy Office’s working paper. (not published).